

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 11 năm 2018

"V/v Hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hồng Tuấn

**Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Cao Thanh Hải
+ Ông Đỗ Văn Linh**

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ: Ông Nguyễn Khắc Bằng - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 về việc tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Anh **Trần Văn T** - Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu 1, xã M, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: Chị **Mè Thị Thanh N** - Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu 10, xã H, huyện H, tỉnh P.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Ông **Mè Văn N** - Sinh năm 1958 (Là bố đẻ của chị N).

Địa chỉ: Khu 10, xã H, huyện H, tỉnh P.

Anh T, ông N đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Trần Văn T: Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Mè Thị Thanh N, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

- Cụ thể theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T trình bày: Anh và chị Mè Thị Thanh N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 22/02/2006 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung nhà với bố mẹ đẻ anh. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Đến năm 2006 anh đi xuất khẩu lao động, chị N tiếp tục

sống cùng bố mẹ đẻ anh. Sau này anh được biết chị N ở nhà bị bệnh tâm thần, gia đình có đưa đi chữa trị nhưng không khỏi. Cho đến năm 2009, chị N đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã H, huyện H ở từ đó cho đến nay và hiện bệnh tâm thần của chị N vẫn chưa ổn định, đang phải điều trị ngoại trú. Anh xác định anh và chị N đã sống ly thân nhau từ lâu, cuộc sống chung không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng cũng không còn vì vậy anh yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị Mè Thị Thanh N.

- Về con chung: Anh và chị Mè Thị Thanh N đã có với nhau 01 con chung là Trần Thị Thùy T - Sinh ngày 01/01/2007, con chung vẫn ở với anh và gia đình anh từ nhỏ cho đến nay. Sau khi được ly hôn, anh có yêu cầu tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác anh và chị Mè Thị Thanh N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người đại diện hợp pháp cho bị đơn, ông **Mè Văn N** trình bày: Ông là bố đẻ của bị đơn là chị Mè Thị Thanh N. Do chị N bị bệnh tâm thần, vợ ông là bà Cao Thị T (mẹ đẻ của chị N) thống nhất ủy quyền cho ông là người đại diện cho chị N trong quá trình giải quyết ly hôn tại Tòa án.

- Về hôn nhân giữa chị N với anh Trần Văn T, ông xác nhận anh T đã trình bày như trên là hoàn toàn đúng. Sau khi chị N và anh T kết hôn và có con chung với nhau thì đến năm 2009, chị N bắt đầu bị bệnh tâm thần, gia đình hai bên đã cùng nhau đưa chị N đi điều trị nhưng không khỏi vì vậy gia đình ông đã đưa chị N về gia đình ông ở khu 10, xã H, huyện H để chăm sóc chữa trị nhưng cho đến nay bệnh tâm thần của chị N vẫn chưa ổn định, vẫn đang phải tiếp tục điều trị ngoại trú. Nay anh T có yêu cầu được ly hôn với chị N, là bố đẻ cũng là người đại diện cho chị N, ông xác định hôn nhân giữa chị N với anh T không thể có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy ông cũng đồng ý với yêu cầu của anh T và đề nghị Tòa án cho anh T và chị N được ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về con chung giữa anh Trần Văn T với chị Mè Thị Thanh N: Ông Mè Văn N xác nhận anh T và chị N có với nhau 01 con chung đúng như anh T đã trình bày. Con chung vẫn ở với anh T và gia đình anh T từ trước cho đến nay, ông cũng đồng ý để cho anh T được tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn và do chị N đang bị bệnh tâm thần nên ông đề nghị Tòa án không buộc chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Ông Mè Văn N xác nhận lời trình bày của anh T là hoàn toàn đúng, anh T và chị N không có tài sản chung, không vay nợ chung vì vậy ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi thụ lý vụ án, các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ xác nhận chị N đang có hộ khẩu thường trú tại khu 10, xã H, huyện H, tỉnh P và chị N bị bệnh tâm thần phân liệt vẫn đang phải điều trị ngoại trú. Do chị N bị bệnh tâm thần nên dẫn đến bị hạn chế năng

lực hành vi dân sự và có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi của mình. Chính vì vậy ông Mè Văn N là bố đẻ chị N đại diện gia đình là người đại diện hợp pháp cho chị N trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Đương sự, người đại diện của đương sự đều thống nhất yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba là nơi giải quyết vụ án. Tòa án cũng đã giải thích và hướng dẫn cho nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố chị N bị mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nhưng nguyên đơn và người đại diện của bị đơn đều từ chối không yêu cầu mà chỉ đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn theo quy định. Do bị đơn là chị N bị bệnh tâm thần và nguyên đơn là anh T, người đại diện cho bị đơn là ông N không yêu cầu hòa giải, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được và có đủ điều kiện để xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về hôn nhân giữa anh T và chị N: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì anh Trần Văn T và chị Mè Thị Thanh N kết hôn hoàn toàn tự nguyện, tại thời điểm kết hôn cả hai đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật vì vậy hôn nhân giữa anh T với chị N là hoàn toàn hợp pháp. Tuy nhiên sau khi chung sống và có con chung thì anh T đi xuất khẩu lao động, chị N ở nhà được một thời gian thì bị bệnh tâm thần, gia đình có đưa đi chữa trị nhưng vẫn không khỏi. Từ năm 2009 cho đến nay, chị N đã được bố mẹ đẻ đưa về nhà ở khu 10 xã H, huyện Hạ H để chăm sóc điều trị nhưng đến nay bệnh tâm thần vẫn chưa ổn định, đang phải điều trị ngoại trú. Do vợ chồng anh T, chị N sống ly thân nhau đã lâu, hôn nhân không có hạnh phúc, cả hai đã không còn thực hiện được nghĩa vụ của vợ, của chồng trong hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và người đại diện của bị đơn là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Nguyên đơn là anh T, người đại diện của bị đơn là ông N đều xác nhận: Anh T và chị N có với nhau 01 con chung là Trần Thị Thùy T - Sinh ngày 01/01/2007 vẫn ở với anh T và gia đình anh T từ trước đến nay. Anh T và ông N đều thống nhất do chị N bị bệnh tâm thần nên sau khi anh T, chị N ly hôn thì anh T sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của mỗi bên, đảm bảo được quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung và cũng phù hợp với pháp luật vì vậy sẽ giao cho anh T được quyền nuôi dưỡng con chung sau ly hôn và không buộc chị N phải thực hiện nghĩa vụ về cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác nguyên đơn, người đại diện hợp pháp cho bị đơn xác nhận không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn, yêu cầu giao nuôi con chung sau ly hôn của nguyên đơn và người đại diện của bị đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1 Điều 73, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 69, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 53, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho anh **Trần Văn T** và chị **Mè Thị Thanh N** được ly hôn.

- Về con chung: Giao cho anh Trần Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung giữa anh với chị N là **Trần Thị Thùy T**: Sinh ngày 01/01/2007 (con chung hiện vẫn đang ở với anh T và được anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng). Chị N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác xác nhận hai bên đương sự không có nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0001403 ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Đương sự và người đại diện hợp pháp của đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện; tỉnh;
- UBND xã M;
- Các đương sự, người đại diện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Tuấn